

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Biên bản cuộc họp cộng đồng dân cư
Mẫu số 02	Kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ
Mẫu số 03	Đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng
Mẫu số 04	Thiết kế trồng, chăm sóc rừng năm thứ nhất
Mẫu số 05	Biên bản xác minh điều kiện hỗ trợ lãi suất tín dụng
Mẫu số 06	Đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (đối với chủ rừng là tổ chức)
Mẫu số 07	Đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (đối với nhóm hộ)
Mẫu số 08	Cách tính mức trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng
Mẫu số 09	Danh sách hộ gia đình đăng ký thực hiện bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng thay thế nương rẫy
Mẫu số 10	Danh sách đối tượng, nhu cầu trợ cấp gạo
Mẫu số 11	Danh sách hộ gia đình nhận trợ cấp gạo
Mẫu số 12	Sổ theo dõi trợ cấp gạo
Mẫu số 13	Tờ trình về việc phê duyệt thiết kế, dự toán
Mẫu số 14	Đề cương thuyết minh thiết kế
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế, dự toán
Mẫu số 16	Quyết định về việc phê duyệt thiết kế, dự toán công trình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN CUỘC HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(Địa điểm), ngày.....thángnăm

1. Ngày tổ chức cuộc họp:
2. Chủ trì cuộc họp: Trưởng thôn:
3. Số lượng người tham dự:
4. Thời gian bắt đầu:
5. Nội dung cuộc họp:
 - Trưởng thôn tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký.
 - Trưởng thôn trình bày dự kiến kế hoạch, dự toán kinh phí thôn thực hiện trong năm và dự toán đề nghị Ban quản lý khu rừng đặc dụng hỗ trợ.
 - Những người tham gia cuộc họp thảo luận: (ghi ý kiến thảo luận của từng người).
 - Trưởng thôn tổng hợp chung các ý kiến của những người tham gia cuộc họp; đề xuất phương án biểu quyết.
 - Trưởng thôn thống nhất hình thức biểu quyết (hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín).
 - Kết quả biểu quyết: biểu quyết theo từng nội dung, xác định số người đồng ý/tổng số người tham dự cuộc họp.
 - Nội dung 1: số người đồng ý/tổng số người tham dự cuộc họp.
 - Nội dung 2: số người đồng ý/tổng số người tham dự cuộc họp.
 -
 - Trưởng thôn công bố những nội dung đề nghị ban quản lý rừng đặc dụng hỗ trợ (những nội dung được trên 50% tổng số người tham dự cuộc họp hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn biểu quyết đồng ý).
6. Thời gian kết thúc:

Biên bản này đã được đọc to cho mọi người tham dự cuộc họp nghe, được lập thành 03 bản: 01 bản gửi Ban quản lý khu rừng đặc dụng; 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã; 01 bản lưu tại thôn.

THƯ KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG THÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thôn:
Xã:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ

Năm:

Phần I

KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Nội dung	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí dự kiến (1.000 đồng)	Nguồn kinh phí (1.000 đồng)			Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			Ban QL RDD hỗ trợ	Đóng góp của cộng đồng	Nguồn khác		
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8
1. Đầu tư nâng cao năng lực phát triển sản xuất							
- Giống cây							
-							
-							
2. Hỗ trợ vật liệu xây dựng cho các công trình công cộng							
- Nước sạch							
-							
-							
Tổng cộng:							

Phần II

DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5=3*4	6
1. Đầu tư nâng cao năng lực phát triển sản xuất					
- Giống cây					
-					
-					
2. Hỗ trợ vật liệu xây dựng cho các công trình công cộng					
- Nước sạch					
-					

-					
Tổng cộng:					

TRƯỞNG THÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỒNG PHÊ DUYỆT
ĐẠI DIỆN UBND CẤP XÃ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN
LÝ
KHU RỪNG ĐẶC DỤNG
(Ký, họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU

Phần I. Kế hoạch, dự toán hỗ trợ cộng đồng dân cư

Kế hoạch, dự toán do cộng đồng dân cư lập vào Quý I hằng năm trên cơ sở: (i) Thông báo của ban quản lý rừng đặc dụng và (ii) Kết quả cuộc họp thôn được thể hiện trong Biên bản họp cộng đồng dân cư.

1. Cột 1- Nội dung: là các nội dung được hỗ trợ cho cộng đồng dân cư vùng đệm theo quy định tại Nghị định số .../20../NĐ-CP..., đáp ứng các tiêu chí sau:

- Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã/phường/thị trấn;
- Phù hợp với quy hoạch rừng đặc dụng;
- Được trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong cộng đồng dân cư tán thành trong biên bản họp cộng đồng dân cư.

Các nội dung được ghi theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống theo 2 nội dung (1. Đầu tư nâng cao năng lực phát triển sản xuất; 2. Hỗ trợ vật liệu xây dựng cho các công trình công cộng) và không quá 3 hoạt động trong 1 năm.

2. Cột 2- Thời gian thực hiện: dự kiến thời gian thực hiện nội dung công việc theo quý trong năm.

3. Từ cột 3 đến cột 6 là tổng kinh phí dự kiến để thực hiện nội dung hoạt động và dự kiến huy động nguồn kinh phí.

- Cột 3 - Tổng kinh phí dự kiến: được xác định bằng tổng các cột 4, cột 5 và cột 6.
- Cột 4- Ghi số kinh phí đề nghị Ban quản lý rừng đặc dụng hỗ trợ. Tổng kinh phí không vượt quá 40.000.000 đồng/năm.
- Cột 5- Ghi dự kiến giá trị đóng góp của cộng đồng dân cư bằng tiền. Trường hợp đóng góp bằng ngày công lao động hay vật tư thì phải quy đổi thành tiền theo đơn giá tại địa phương.
- Cột 6- Nguồn kinh phí khác: ghi số kinh phí dự kiến được huy động từ các nguồn khác như hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân... cho cộng đồng dân cư.

4. Cột 7- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện, ghi:

- Thôn tự thực hiện; thực hiện theo hợp đồng (cộng đồng dân cư ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân); hay đồng tài trợ cho công trình khác.
- Đối với các nội dung cộng đồng dân cư không tự tổ chức thực hiện được: cộng đồng dân cư đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc ban quản lý rừng đặc dụng hỗ trợ thực hiện.

5. Cột 8 - Ghi chú: giải thích thêm những gì chưa rõ.

Phần II. Dự toán kinh phí hỗ trợ

Phần này ghi những nội dung cụ thể thôn đề nghị Ban quản lý rừng đặc dụng hỗ trợ.

1. Cột 1- Nội dung: là các nội dung được ghi tại Phần I.

2. Cột 2- Đơn vị tính: ghi đơn vị tính, ví dụ:

- Mua giống cây là cây;

- Mua giống con là con;
- Vật liệu xây dựng công trình: sắt, thép là kg; cát là m^3 ; xi măng là kg; gạch là viên
-

3. Cột 3- Số lượng/khối lượng:

- Mua giống cây là số lượng cây;
- Mua giống con là số lượng con;
- Vật liệu xây dựng công trình: là khối lượng vật liệu như sắt, thép; cát; xi măng; gạch
-

4. Cột 4- Đơn giá: là đơn giá dự kiến tại địa phương được tính theo đơn vị 1.000 đồng.

5. Cột 5- Thành tiền bằng số liệu cột 3 (số lượng/khối lượng) nhân với (x) cột 4 (đơn giá).
Tổng cộng cột này bằng tổng cộng cột 4 Phần I.

6. Cột 6- Ghi chú: giải thích thêm những gì chưa rõ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
..., ngày ... tháng ... năm....

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN NGÂN HÀNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã,

Tôi tên là:.....Sinh ngày:

Căn cước công dân/Căn cước số:

Nơi cấp:cấp ngày.../tháng.../năm...

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ hiện tại:

Số điện thoại:

Tôi là bên vay trong Hợp đồng vay tín dụng số.....được ký kết vào ngày...../...../..... giữa Tôi và Ngân hàng với số tiền là: đồng. Nội dung hợp đồng có ghi rõ số tiền vay và mức lãi suất hàng tháng mà tôi phải trả là:.....đồng. Tôi đã sử dụng số tiền vay để đầu tư vào trồng rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ.

Sau khi nghiên cứu chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng thương mại quy định tại Nghị định số/...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, Tôi đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định được hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng theo Nghị định số.../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ, cụ thể:

Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.....

Thời gian vay vốn có hỗ trợ lãi suất:.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra vi phạm./.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

THIẾT KẾ TRỒNG, CHĂM SÓC RỪNG NĂM THỨ NHẤT

Tiểu khu:.....

Khoảnh:.....

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô ...	...
I. Xử lý thực bì:			
1. Phương thức			
2. Phương pháp			
3. Thời gian xử lý			
II. Làm đất:			
1. Phương thức:			
- Cục bộ			
- Toàn diện			
2. Phương pháp (cuốc đất theo hố, kích thước hố, lấp hố...):			
- Thủ công			
- Cơ giới			
- Thủ công kết hợp cơ giới			
3. Thời gian làm đất			
III. Bón lót phân:			
1. Loại phân			
2. Liều lượng bón			
3. Thời gian bón			
IV. Trồng rừng:			
1. Loài cây trồng			
2. Phương thức trồng			
3. Phương pháp trồng			
4. Công thức trồng			
5. Thời vụ trồng			
6. Mật độ trồng:			
- Cự ly hàng (m)			
- Cự ly cây (m)			
7. Tiêu chuẩn cây giống (chiều cao, đường kính cổ rễ, tuổi)			
8. Số lượng cây giống, hạt giống (kể cả trồng dặm)			
V. Chăm sóc, bảo vệ năm đầu:			
1. Lần thứ nhất: (tháng ... đến tháng....)			
- Nội dung chăm sóc:			
+ ...			
2. Lần thứ 2, thứ 3...: Nội dung chăm sóc như lần thứ nhất			

hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp			
3. Bảo vệ:			
-			

Ngày tháng năm ...
CHỦ RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm....

BIÊN BẢN

Xác minh điều kiện hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm ...của Chính phủ

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., chúng tôi gồm có:

A. THÀNH PHẦN

- Ông/Bà:.....đại diện Phòng.....
- Ông/Bà:.....đại diện Phòng.....
-
-
- Ông/Bà:

B. NỘI DUNG KIỂM TRA

Tiến hành xác minh việc đáp ứng các điều kiện về hỗ trợ lãi suất tín dụng theo quy định tại Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày ... tháng... năm....của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, cụ thể:

1. Cơ sở pháp lý để thực hiện trồng rừng gỗ lớn.....
2. Kiểm tra thực tế việc trồng rừng, hồ sơ, tài liệu liên quan
 - Họ, tên chủ rừng đề nghị được hỗ trợ:.....
 - Tên khu rừng trồng gỗ lớn:.....
 - Địa điểm rừng trồng gỗ lớn:
 - Diện tích rừng trồng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ:(có bản đồ, sơ đồ đính kèm);
 - Loại rừng:
 - Loài cây trồng:
 - Năm trồng:
 - Mật độ hiện tại:
 - Tổng số vốn vay tại ngân hàng thương mại:..... đồng.
 - Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.....đồng.
 - Thời gian vay vốn có hỗ trợ lãi suất:
3. Hộ gia đình, cá nhân đã được hỗ trợ từ chính sách ưu đãi hoặc hỗ trợ khác nhưng chưa được hỗ trợ cho việc trồng rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ:.....
4. Các vấn đề khác có liên quan

Biên bản kết thúc vào hồi...ngày...tháng...năm....; đã được các thành phần tham gia nhất trí thông qua và lập thành 02 bản: 01 bản gửi chủ rừng; 01 bản lưu hồ sơ hỗ trợ lãi suất.

CHỦ RỪNG

TỔ XÁC MINH

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỦ
QUẢN
TÊN CHỦ RỪNG LÀ TỔ
CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../CV-....

(Địa điểm), ngày ... tháng ... năm...

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CẤP CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

(Đối với chủ rừng là tổ chức)

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... về phê duyệt dự án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

....(Tên chủ rừng) kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét cấp kinh phí hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, cụ thể như sau:

1. Tên chủ rừng:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại liên hệ:; Email:
4. Số tài khoản:tại ngân hàng.....; họ và tên chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật:
5. Tổng diện tích rừng trồng sản xuất được xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững:.....ha.
6. Loại chứng chỉ quản lý rừng bền vững được cấp: (FSC hoặc VFCS hoặc VFCS/PEFC).
7. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: Số tiền được hỗ trợ (đồng/ha) x Diện tích rừng được hỗ trợ (ha) = đồng (bằng chữ:).
8. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững kèm theo văn bản này gồm:
 - Bản sao hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa chủ rừng với tổ chức tư vấn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững;
 - Bản sao chứng chỉ quản lý rừng bền vững do tổ chức cấp chứng chỉ rừng cấp.

....(Tên chủ rừng)... kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố..... xem xét cấp kinh phí hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho đơn vị theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT...

CHỦ RỪNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Xã...), ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CẤP CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

(Đối với nhóm hộ)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...về phê duyệt dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

...(Tên nhóm hộ) ... kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....xem xét cấp kinh phí hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, cụ thể như sau:

1. Tên nhóm hộ:.....Địa chỉ:

2. Họ và tên người đại diện nhóm hộ:Địa chỉ:

3. Căn cước công dân/Căn cước số:, nơi cấp....., cấp ngày.....

Số điện thoại liên hệ:Email (nếu có):

4. Số tài khoản:tại ngân hàng.....; họ và tên chủ tài khoản người đại diện nhóm hộ:

5. Tổng diện tích rừng trồng sản xuất được xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững:ha.

6. Loại chứng chỉ quản lý rừng bền vững được cấp: (FSC hoặc VFCS hoặc VFCS/PEFC).

7. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: Số tiền được hỗ trợ (đồng/ha) x Diện tích rừng được hỗ trợ (ha) =..... đồng (*bằng chữ*:).

8. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững kèm theo văn bản này gồm:

- Bản sao hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa người đại diện nhóm hộ với tổ chức tư vấn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

- Bản sao chứng chỉ quản lý rừng bền vững do tổ chức cấp chứng chỉ rừng cấp.

...(Tên nhóm hộ)... kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn xem xét cấp kinh phí hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho nhóm hộ theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng thôn;
- Lưu nhóm hộ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁCH TÍNH MỨC TRỢ CẤP GẠO BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

1. Cách tính số gạo trợ cấp

a) Đối với trợ cấp gạo cho hộ gia đình thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy

$$\text{Tổng số gạo trợ cấp} = \left\{ \begin{array}{c} \text{Số} \\ \text{tháng} \\ \text{trợ cấp} \end{array} \right\} \times (15\text{kg}) \times \left\{ \begin{array}{c} \text{Số khẩu} \\ \text{được trợ} \\ \text{cấp} \end{array} \right\} \times \left\{ \begin{array}{c} \text{Hệ số diện} \\ \text{tích trồng} \\ \text{rừng} \end{array} \right\}$$

Trong đó:

- Số tháng trợ cấp không quá 6 tháng;
- Số khẩu được trợ cấp là số khẩu trong hộ gia đình thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy;
- Hệ số diện tích trồng rừng được lấy theo Mục 2 Mẫu này.

b) Đối với trợ cấp gạo cho hộ gia đình thực hiện bảo vệ và phát triển rừng, không thuộc điểm a khoản này

$$\text{Tổng số gạo trợ cấp} = \left\{ \begin{array}{c} \text{Số} \\ \text{tháng} \\ \text{trợ cấp} \end{array} \right\} \times (15\text{kg}) \times \left\{ \begin{array}{c} \text{Số khẩu} \\ \text{được trợ} \\ \text{cấp} \end{array} \right\} \times \left\{ \begin{array}{c} \text{Hệ số diện tích} \\ \text{bảo vệ và phát} \\ \text{triển rừng} \end{array} \right\}$$

Trong đó:

- Số tháng trợ cấp không quá 4 tháng;
- Số khẩu được trợ cấp là số khẩu trong hộ gia đình thực hiện bảo vệ và phát triển rừng;
- Hệ số diện tích bảo vệ và phát triển rừng được lấy theo Mục 2 Mẫu này.

2. Hệ số diện tích thực hiện

TT	Diện tích thực hiện		Hệ số
	Trồng rừng thay thế nương rẫy	Bảo vệ và phát triển rừng	
1	Trên 1,0 ha	Trên 15 ha	1
2	Từ 0,8 - 1,0 ha	Từ 10 - 15 ha	0,9
3	Từ 0,5 - 0,8 ha	Từ 5 - 10 ha	0,8
4	Dưới 0,5 ha	Dưới 5 ha	0,7

3. Ví dụ về cách tính khối lượng gạo trợ cấp

a) Đối với trợ cấp gạo cho hộ gia đình thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy

Ví dụ 1: Hộ gia đình A có 5 khẩu thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy là 0,6 ha. Xác định tổng mức gạo trợ cấp đối với hộ gia đình này như sau:

- Xác định số gạo trợ cấp: 6 tháng x 15 kg x 5 khẩu x 0,8 = 360 kg/năm.
- Tổng số gạo trợ cấp cho gia đình A trong năm là 360 kg/năm.

Ví dụ 2: Hộ gia đình A có 4 khẩu thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy là 1,5 ha. Xác định tổng mức gạo trợ cấp đối với hộ gia đình này như sau:

- Xác định số gạo trợ cấp: 6 tháng x 15 kg x 4 khẩu x 1 = 360 kg/năm.
- Tổng số gạo trợ cấp cho gia đình A trong năm là 360 kg/năm.

Ví dụ 3: Hộ gia đình A có 6 khẩu thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy là 2 ha. Xác định tổng mức gạo trợ cấp đối với hộ gia đình này như sau:

- Xác định số gạo trợ cấp: $6 \text{ tháng} \times 15 \text{ kg} \times 6 \text{ khẩu} \times 1 = 540 \text{ kg/năm}$.

Số gạo vượt so với định mức (450 kg/năm)

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số tháng trợ cấp phù hợp, đảm bảo tổng số gạo trợ cấp cho gia đình A trong năm không vượt quá 450 kg/năm.

b) Đối với trợ cấp gạo cho hộ gia đình thực hiện bảo vệ và phát triển rừng, không thuộc điểm a khoản này

Ví dụ 4: Hộ gia đình B có 6 khẩu thực hiện bảo vệ và phát triển rừng là 4 ha. Xác định tổng mức gạo trợ cấp đối với hộ gia đình này như sau:

- Xác định số gạo trợ cấp: $4 \text{ tháng} \times 15 \text{ kg} \times 6 \text{ khẩu} \times 0,7 = 252 \text{ kg/năm}$.

- Tổng số gạo trợ cấp cho gia đình B trong năm là 252 kg/năm.

Ví dụ 5: Hộ gia đình B có 5 khẩu thực hiện bảo vệ và phát triển rừng là 12 ha. Xác định tổng mức gạo trợ cấp đối với hộ gia đình này như sau:

- Xác định số gạo trợ cấp: $4 \text{ tháng} \times 15 \text{ kg} \times 5 \text{ khẩu} \times 0,9 = 270 \text{ kg/năm}$.

- Tổng số gạo trợ cấp cho gia đình B trong năm là 270 kg/năm.

Ví dụ 6: Hộ gia đình B có 6 khẩu thực hiện bảo vệ và phát triển rừng là 16 ha. Xác định tổng mức gạo trợ cấp đối với hộ gia đình này như sau:

- Xác định số gạo trợ cấp: $4 \text{ tháng} \times 15 \text{ kg} \times 6 \text{ khẩu} \times 1 = 360 \text{ kg/năm}$.

Số gạo vượt so với định mức (300 kg/năm)

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số tháng trợ cấp phù hợp, đảm bảo tổng số gạo trợ cấp cho gia đình B trong năm không vượt quá 300 kg/năm.

Xã.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

HỘ GIA ĐÌNH ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN BẢO VỆ RỪNG, KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH TỰ NHIÊN CÓ TRỒNG BỔ SUNG, TRỒNG RỪNG PHÒNG HỘ, TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN LÂM SẢN NGOÀI GỖ, TRỒNG RỪNG THAY THẾ NƯƠNG RẪY

Thôn

T	T	Tên chủ hộ gia đình	Dân tộc	Số khẩu	Diện tích được bảo vệ rừng				Diện tích nhận khoán bảo vệ rừng						Diện tích rừng được khoanh nuôi XTTS tự nhiên có trồng bổ sung					Diện tích trồng rừng					Số lượng g gao hồ trợ năm ... (kg)	Ghi chú		
					Diện tích (ha)	Vị trí (ghi Lô, Khoảnh , Tiểu khu)	Loại rừng (đánh dấu "X" vào ô tương ứng)		Diện tích (ha)	Vị trí (ghi Lô, Khoảnh , Tiểu khu)	Loại rừng (đánh dấu "X" vào ô tương ứng)						Diện tích (ha)			Vị trí (ghi Lô, Khoảnh , Tiểu khu)	Trạng thái đất LN được giao							
							Rừng PH	RSX là RTN			Rừng tự nhiên			Rừng trồng			Tổng	KN mới	KN chuyển tiếp			Tổng	P	H			S	Phát triển LSN G
											Đ	P	S	Đ	P	S												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
	Tổng cộng																											

..., ngày ... tháng ... năm...
CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ
(Họ tên, chữ ký)

UBND TỈNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU TRỢ CẤP GẠO

Năm

T T	Tên Dự án, chủ hộ gia đình	Thôn n	Dân tộc	Số khẩu u	Đối tượn g (nếu thuộ c hộ nghề o thì đánh dấu "X")	Diện tích được bảo vệ rừng				Diện tích nhận khoán bảo vệ rừng								Diện tích rừng được khoanh nuôi XTTS tự nhiên có trồng bổ sung					Diện tích trồng rừng							Hỗ trợ năm thứ ...	Số lượn g gạo hỗ trợ (kg)	Ghi ch ú
						Diện tích (ha)	Vị trí (ghi Lô, Khoản h, Tiểu khu)	Loại rừng (đánh dấu "X" vào ô tương ứng)		Diện n tích (ha)	Vị trí (ghi Lô, Khoản h, Tiểu khu)	Loại rừng (đánh dấu "X" vào ô tương ứng)				Diện tích (ha)			Vị trí (ghi Lô, Khoản h, Tiểu khu)	Trận g thải đất LN được giao	Diện tích (ha)				Vị trí (ghi Lô, Khoản h, Tiểu khu)	Trận g thải đất LN được giao						
								Rừn g PH	RS X là RT N			Rừng tự nhiên		Rừng trồng		Tôn g	KN mớ i	KN chuyể n tiếp			Tôn g	P H	S X	Phát triển LSN G								
												Đ D	P H	S X	Đ D												P H	S X				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	
	Tổng (A+B+ ...)																															
A	Dự án (tên dự án, số QĐ đầu tư)																															
I	Huyện																															
1	Xã....																															
	Nguyễn Văn A																															
																																
2	Xã....																															
																																
B	Dự án (tên dự án, số QĐ đầu tư)...																															
	Lập lại tương tự như Mục A)																															

LẬP BIỂU

..., ngày tháng ... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Huyện.....

Xã.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

HỘ GIA ĐÌNH NHẬN TRỢ CẤP GẠO

Tháng...năm...

[illegible]

..., ngày tháng ... năm ...

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ

(Họ tên, chữ ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI TRỢ CẤP GẠO

Cho chủ hộ tham gia theo quy định tại Nghị định số của Chính phủ

Cấp cho ông (bà):

Địa chỉ: Thôn ... Xã ... Huyện Tỉnh ...

Số số:

BẢNG THEO DÕI TRỢ CẤP GẠO

[illegible]

CƠ QUAN TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày...tháng...năm....

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thiết kế, dự toán

Kính gửi:

Các căn cứ pháp lý:

.....

Cơ quan trình phê duyệt thiết kế, dự toán với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình lâm sinh hoặc hoạt động bảo vệ rừng
2. Dự án (nếu là dự án đầu tư)
3. Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng kinh phí nhà nước
4. Địa điểm
5. Mục tiêu
6. Nội dung và quy mô
7. Các giải pháp thiết kế chủ yếu
8. Tổng mức đầu tư:

Trong đó:

- a) Chi phí xây dựng
- b) Chi phí thiết bị
- c) Chi phí quản lý
- d) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng
- đ) Chi phí khác
- e) Chi phí dự phòng

.....

9. Dự toán chi tiết và tiến độ giải ngân:

STT	Nguồn vốn	Tổng số	Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..
	Tổng				

10. Thời gian, tiến độ thực hiện:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..

11. Tổ chức thực hiện

12. Các nội dung khác:

Cơ quan trình phê duyệt thiết kế, dự toán.

Nơi nhận:

-;

- Lưu:

CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH THIẾT KẾ

I. NỘI DUNG THUYẾT MINH CHUNG

1. Tên công trình: Xác định tên công trình cụ thể là trồng rừng, nuôi dưỡng rừng, cải tạo rừng, ... hoặc bảo vệ rừng.
2. Dự án: Tên dự án, số quyết định phê duyệt, ngày tháng năm ban hành, cấp ban hành.
3. Mục tiêu: Xác định rõ mục tiêu xây dựng nhằm mục đích phòng hộ, đặc dụng, sản xuất...
4. Địa điểm xây dựng: Theo đơn vị hành chính, theo hệ thống đơn vị tiểu khu, khoảnh, lô.
5. Chủ quản đầu tư: Cấp quyết định đầu tư hoặc cấp giao ngân sách.
6. Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao kinh phí ngân sách nhà nước.
7. Căn cứ pháp lý và tài liệu liên quan: Những tài liệu liên quan trực tiếp đến công trình gồm:
 - Văn bản pháp lý;
 - Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc quy hoạch ngành liên quan;
 - Dự án đầu tư được phê duyệt đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công;
 - Kế hoạch bố trí kinh phí hằng năm đối với công trình sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;
 - Các tài liệu liên quan khác.
8. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội
 - a) Vị trí địa lý: Khu đất/rừng thuộc tiểu khu, khoảnh, lô;
 - b) Đặc điểm địa hình, đất đai, thực bì;
 - c) Tình hình khí hậu, thủy văn và các điều kiện tự nhiên khác trong vùng: xác định các yếu tố ảnh hưởng như đến yếu tố mùa vụ, việc lựa chọn biện pháp kỹ thuật...;
 - d) Điều kiện kinh tế - xã hội: Khái quát những nét cơ bản, liên quan trực tiếp đến hoạt động thực thi công trình lâm sinh, bảo vệ rừng.
9. Nội dung thiết kế: Nêu nội dung thiết kế từng công trình cụ thể theo quy định tại Mục II Phụ lục này.
10. Thời gian thực hiện, gồm: Thời gian khởi công và hoàn thành; nội dung hoạt động từng năm (nếu công trình kéo dài nhiều năm); chi tiết các hoạt động theo tháng (nếu công trình thực hiện một năm).

STT	Hạng mục	ĐVT (ha/lượt ha)	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện		
				Năm...	Năm...	Năm...
1						
2						

11. Dự toán vốn đầu tư, nguồn vốn

- a) Dự toán vốn đầu tư: Việc tính toán vốn đầu tư được tiến hành theo từng lô. Những lô có điều kiện tương tự được gộp thành một nhóm. Tổng vốn cho từng công trình lâm sinh được tính thông qua việc tính toán chi phí trực tiếp cho từng lô, sau khi nhân với diện tích sẽ tổng hợp và tính các chi phí cần thiết khác.

STT	Hạng mục	Số tiền (1.000 đ)
	TỔNG (I+II+...+VI)	
I	Chi phí xây dựng	
1	Chi phí trực tiếp	
1.1	Chi phí nhân công	
	Xử lý thực bì	
	Đào hố	
	Vận chuyển cây con thủ công	
	Phát đường ranh cản lửa	
	Trồng dặm	
		
		
1.2	Chi phí máy	
	Đào hố bằng máy	
	Vận chuyển cây con bằng cơ giới	
	Ủi đường ranh cản lửa	
		
		
1.3	Chi phí vật tư, cây giống	
	Cây giống (bao gồm cả trồng dặm)	
	Phân bón	
	Thuốc bảo vệ thực vật	
		
		
2	Chi phí gián tiếp	
		
		
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	
		
		
4	Thuế giá trị gia tăng	
		
		
II	Chi phí thiết bị	

		
		
III	Chi phí quản lý	
		
		
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	
		
		
V	Chi phí khác	
		
		
VI	Chi phí dự phòng	
		
		

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách nhà nước;
- Vốn khác (vay ngân hàng, liên doanh, liên kết,...).

c) Tiến độ giải ngân:

STT	Nguồn vốn	Tổng	Năm 1	Năm 2		Năm kết thúc
	Tổng vốn					
1	Vốn ngân sách nhà nước					
2	Vốn khác					

12. Tổ chức thực hiện

- Phân công trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân tham gia các công việc cụ thể;
- Nguồn nhân lực thực hiện: Xác định rõ tổ chức hoặc hộ gia đình của thôn, xã hoặc cộng đồng dân cư thực hiện.

II. NỘI DUNG THIẾT KẾ CỤ THỂ

1. Công tác chuẩn bị:

a) Thu thập tài liệu có liên quan:

- Bản đồ địa hình có hệ tọa độ gốc VN 2.000 với tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000;
- Báo cáo nghiên cứu khả thi, bản đồ hiện trạng và quy hoạch của dự án được phê duyệt;
- Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện các biện pháp lâm sinh và định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ bản khác có liên quan của trung ương và địa phương;
- Tài liệu, văn bản khác có liên quan đến công tác thiết kế.

b) Dụng cụ kỹ thuật, văn phòng phẩm, bao gồm: Máy định vị GPS, thiết bị đo vẽ, dao phát, phiếu điều tra thu thập số liệu...

c) Chuẩn bị lương thực, thực phẩm, phương tiện, tư trang...

d) Lập kế hoạch thực hiện: Về nhân sự, kinh phí, thời gian thực hiện.

2. Công tác ngoại nghiệp:

a) Sơ bộ khảo sát, xác định hiện trường khu thiết kế.

b) Đánh giá hiện trạng, xác định đối tượng cần thực hiện các biện pháp lâm sinh.

c) Xác định ranh giới tiểu khu, khoảnh (hoặc ranh giới khu thiết kế), lô trên thực địa.

d) Đo đạc các đường ranh giới tiểu khu, khoảnh, lô thiết kế; lập bản đồ thiết kế ngoại nghiệp và đóng cọc mốc trên các đường ranh giới.

đ) Cắm mốc: Tại điểm các đường ranh giới tiểu khu, đường khoảnh, đường lô giao nhau và trên đường ranh giới lô khi thay đổi góc phương vị phải cắm cọc mốc, trên mốc ghi số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô và diện tích lô.

e) Khảo sát các yếu tố tự nhiên:

- Địa hình: Độ cao (tuyệt đối, tương đối), hướng dốc, độ dốc.

- Đất đai: Đá mẹ; loại đất, đặc điểm của đất; độ dày tầng đất mặt; thành phần cơ giới: nhẹ, trung bình, nặng; tỷ lệ đá lẫn: %; độ nén chặt: to, xốp, chặt, cứng rắn; đá nổi: %; tình hình xói mòn mặt: yếu, trung bình, mạnh.

- Thực bì: Loại thực bì; loài cây ưu thế; chiều cao trung bình (m); tình hình sinh trưởng (tốt, trung bình, xấu); độ che phủ; cấp thực bì.

- Cự ly vận chuyển cây con (m) và phương tiện vận chuyển.

- Cự ly đi làm (m) và phương tiện đi lại.

g) Thiết kế công trình phòng chống cháy rừng (nếu có).

h) Thu thập các tài liệu về dân sinh kinh tế xã hội.

i) Điều tra trữ lượng rừng:

Áp dụng đối với các lô rừng thiết kế chăm sóc rừng trồng, trồng lại rừng, nuôi dưỡng rừng trồng, cải tạo rừng tự nhiên, nuôi dưỡng rừng tự nhiên và làm giàu rừng tự nhiên.

Phương pháp và nội dung điều tra thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 33/2018/TT-BNN-PTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

k) Điều tra cây tái sinh:

Áp dụng đối với việc thiết kế các công trình lâm sinh, bao gồm: trồng rừng; cải tạo rừng tự nhiên; nuôi dưỡng rừng tự nhiên; làm giàu rừng tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.

Phương pháp và nội dung điều tra thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 33/2018/TT-BNN-PTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

l) Điều tra xác định độ tàn che đối với rừng gỗ và tỷ lệ che phủ đối với rừng tre nứa, cau dừa:

Áp dụng đối với việc thiết kế các công trình lâm sinh, bao gồm: nuôi dưỡng rừng trồng; cải tạo rừng tự nhiên; nuôi dưỡng rừng tự nhiên; làm giàu rừng tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.

Phương pháp điều tra thực hiện theo các hướng dẫn kỹ thuật chuyên ngành.

m) Hoàn chỉnh tài liệu ngoại nghiệp.

n) Xác định các công trình kết cấu hạ tầng phụ trợ để xây dựng các giải pháp thi công.

3. Công tác nội nghiệp:

a) Xác định biện pháp kỹ thuật cụ thể trong từng lô rừng.

b) Tính toán sản lượng khai thác tận dụng đối với công trình cải tạo rừng tự nhiên.

c) Dự toán chi phí đầu tư cho 01 ha, từng lô hoặc nhóm lô, xây dựng kế hoạch thi công trong từng năm và toàn bộ thời gian thực hiện.

(Các số liệu điều tra, tính toán được thống kê theo hệ thống biểu quy định tại Mục III).

d) Xây dựng bản đồ thiết kế trên nền địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000 với tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000. Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ áp dụng TCVN 11565:2016 về Bản đồ hiện trạng rừng và TCVN 11566:2016 về Bản đồ quy hoạch lâm nghiệp.

(i) Đối với những lô có trồng rừng thể hiện cụ thể các thông tin sau:

Từ số là số hiệu lô (6) - Trồng rừng (TR) - Loài cây trồng (Keo lai);

Mẫu số là diện tích lô tính bằng ha (24,8).

Thí dụ:

6-TR-Keolai

24,8

(ii) Đối với những lô không trồng rừng, thì chỉ thể hiện thông tin về số lô và diện tích.

đ) Xây dựng báo cáo thuyết minh cụ thể cho từng công trình lâm sinh.

III. HỆ THỐNG BIỂU KÈM THEO THUYẾT MINH THIẾT KẾ

Biểu 1: Khảo sát các yếu tố tự nhiên, sản xuất

Tiểu khu:.....

Khoảnh:

Hạng mục	Khảo sát		
	Lô...	Lô...	Lô...
1. Địa hình⁴⁷ (+)			
- Độ cao (tuyệt đối, tương đối)			
- Hướng dốc			
- Độ dốc			
2. Đất (++)			
a. Vùng đồi núi.			
- Đá mẹ			
- Loại đất, đặc điểm của đất.			
- Độ dày tầng đất: mét			
- Thành phần cơ giới: nhẹ, trung bình, nặng			

⁴⁷ (+, ++, +++) Áp dụng đối với các công trình lâm sinh có trồng cây

- Tỷ lệ đá lẫn: %			
- Độ nén chặt: toí xốp, chặt, cứng rắn.			
- Đá nỏi: % (về diện tích)			
- Tình hình xói mòn mặt: yếu, trung bình, mạnh			
b. Vùng ven sông, ven biển:			
- Vùng bãi cát:			
+ Thành phần cơ giới: cát thô, cát mịn, cát pha.			
+ Tình hình di động của cát: di động, bán di động, cố định.			
+ Độ dày tầng cát.			
+ Thời gian bị ngập nước.			
+ Loại nước: ngọt, mặn, lợ.			
- Vùng bãi lầy:			
+ Độ sâu tầng bùn.			
+ Độ sâu ngập nước.			
+ Loại nước: ngọt, mặn, lợ.			
+ Thời gian bị ngập nước, chế độ thủy triều.			
3. Thực bì			
- Loại thực bì.			
- Loài cây ưu thế.			
- Chiều cao trung bình (m).			
- Tình hình sinh trưởng (tốt, trung bình, xấu).			
- Độ che phủ.			
- Mật độ cây tái sinh mục đích (cây/ha) ⁴⁸ (*)			
- Góc cây mẹ có khả năng tái sinh chồi (góc/ha) (**)			
- Cây mẹ có khả năng gieo giống tại chỗ (cây/ha) (***)			
4. Hiện trạng rừng ⁴⁹			
- Trạng thái rừng.			
- Trữ lượng rừng (m ³ /ha).			
- Chiều cao trung bình (m).			
- Đường kính trung bình (m)			
- Độ tàn che.			

⁴⁸ (*),(**),(***) Áp dụng đối với các công trình lâm sinh: khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.

(*) Áp dụng đối với các công trình lâm sinh, gồm: nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên, cải tạo rừng, trồng rừng.

⁴⁹ Áp dụng đối với bảo vệ rừng, các công trình lâm sinh: trồng lại rừng, chăm sóc rừng trồng, nuôi dưỡng rừng trồng, cải tạo rừng tự nhiên, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên.

- Khác (nếu có)			
5. Cự ly vận chuyển cây con (m) và phương tiện vận chuyển (+++)			
6. Cự ly đi làm (m) và phương tiện đi lại			

Biểu 2: Các chỉ tiêu về sinh khối rừng⁵⁰

Tiểu khu:.....

Khoảnh:.....

Chỉ tiêu	Lô	Lô	Lô	Lô	Lô
1. Phân bố số cây theo cấp đường kính					
8 cm - 20 cm					
21 cm - 30 cm					
31 cm - 40 cm					
> 40 cm					
Tổng số					
2. Tổ thành theo số cây					
Loài 1					
Loài 2					
Loài 3					
.....					
Tổng số					
3. Tổ thành theo trữ lượng gỗ					
Loài 1					
Loài 2					
Loài 3					
.....					
Tổng số					
4. Tổ thành theo nhóm gỗ					
Nhóm gỗ I					
Nhóm gỗ II					
Nhóm gỗ III					
.....					
Tổng số					

(Tổ thành theo loài cây xác định cho 10 loài từ cao nhất trở xuống)

⁵⁰ Áp dụng đối với công trình lâm sinh, gồm: cải tạo rừng tự nhiên, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên.

Biểu 3: Sản lượng gỗ tận thu trong các lô rừng cải tạo⁵¹

Tiểu khu:

Khoảnh:

Chỉ tiêu	Lô	Lô	Lô	Lô	Tổng số
1. Sinh khối					
- Trữ lượng cây đứng bình quân/ha					
- Diện tích lô					
- Trữ lượng cây đứng/lô					
2. Sản lượng tận thu/lô					
- Gỗ lớn					
- Gỗ nhỏ					
- Củi					
3. Sản lượng tận thu theo nhóm gỗ					
Nhóm gỗ I					
Nhóm gỗ II					
Nhóm gỗ III					
....					
Tổng số					

Biểu 4: Thiết kế trồng, chăm sóc rừng năm thứ nhất⁵²

Tiểu khu:

Khoảnh:

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô...	...
I. Xử lý thực bì:			
1. Phương thức			
2. Phương pháp			
3. Thời gian xử lý			
II. Làm đất:			
1. Phương thức:			
- Cục bộ			
- Toàn diện			
2. Phương pháp (cuốc đất theo hố, kích thước hố, lấp hố...):			

⁵¹ Áp dụng đối với các công trình lâm sinh, gồm: cải tạo rừng tự nhiên, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng.

⁵² Áp dụng đối với các công trình lâm sinh, gồm: trồng rừng, cải tạo rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên.

- Thủ công			
- Cơ giới			
- Thủ công kết hợp cơ giới			
3. Thời gian làm đất			
III. Bón lót phân:			
1. Loại phân			
2. Liều lượng bón			
3. Thời gian bón			
IV. Trồng rừng:			
1. Loài cây trồng			
2. Phương thức trồng			
3. Phương pháp trồng			
4. Công thức trồng			
5. Thời vụ trồng			
6. Mật độ trồng:			
- Cự ly hàng (m)			
- Cự ly cây (m)			
7. Tiêu chuẩn cây giống (chiều cao, đường kính cổ rễ, tuổi)			
8. Số lượng cây giống, hạt giống (kể cả trồng dặm)			
V. Chăm sóc, bảo vệ năm đầu:			
1. Lần thứ nhất: (tháng....đến tháng....)			
- Nội dung chăm sóc:			
+ ...			
2. Lần thứ 2, thứ 3...: Nội dung chăm sóc như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp			
3. Bảo vệ:			
-			

Biểu 5: Thiết kế chăm sóc, bảo vệ rừng trồng năm thứ 2, 3...⁵³

Tiểu khu:

Khoảnh:

Hạng mục	Vị trí tác nghiệp		
	Lô	Lô	Lô
I. Đối tượng áp dụng (rừng trồng năm thứ II, III)			
II. Chăm sóc:			

⁵³ Áp dụng đối với các công trình lâm sinh, gồm: trồng rừng, cải tạo rừng tự nhiên.

1. Lần thứ nhất (tháng ... đến ... tháng ...) a) Trồng dặm. b) Phát thực bì: toàn diện, theo băng, theo hố hoặc không cần phát). c) Làm cỏ, xới đất, vun gốc, cày bừa đất. d) Bón phân: (loại phân bón, liều lượng, kỹ thuật bón...) 2. Lần thứ 2, thứ 3,...: nội dung chăm sóc tương tự như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp.			
III. Bảo vệ: 1. Tu sửa đường băng cản lửa. 2. Phòng chống người, gia súc phá hoại			

Biểu 6: Thiết kế biện pháp tác động⁵⁴

Tiểu khu:

Khoảnh:

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô...	...
1. Phát dọn dây leo bụi rậm			
2. Cuốc xới đất theo rạch, theo đám			
3. Tia dặm cây mục đích từ chỗ dày sang chỗ thưa			
4. Tra dặm hạt trồng bổ sung các loài cây mục đích			
5. Sửa lại gốc chồi và tia chồi			
6. Phát dọn, vun xới quanh cây mục đích cây trồng bổ sung			
7. Bài cây			
8. Chặt bỏ cây cong queo, sâu bệnh, cây phi mục đích			
9. Các biện pháp tác động cụ thể khác theo các hướng dẫn kỹ thuật của từng loài cây, từng đối tượng đầu tư.			
10. Vệ sinh rừng sau tác động			

⁵⁴ Áp dụng đối với các công trình lâm sinh, gồm: nuôi dưỡng rừng trồng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên

Biểu 7: Thiết kế trồng cây bổ sung⁵⁵

Tiểu khu:

Khoảnh:

Biện pháp kỹ thuật	Lô thiết kế		
	Lô ...	Lô ...	
I. Xử lý thực bì			
1. Phương thức			
2. Phương pháp			
3. Thời gian xử lý			
II. Làm đất			
1. Phương thức:			
- Cục bộ			
2. Phương pháp (cuốc đất theo hố, kích thước hố, lấp hố...):			
- Thủ công			
3. Thời gian làm đất			
III. Bón lót phân			
1. Loại phân			
2. Liều lượng bón			
3. Thời gian bón			
IV. Trồng cây bổ sung			
1. Loài cây trồng			
2. Phương thức trồng			
3. Phương pháp trồng			
4. Công thức trồng			
5. Thời vụ trồng			
6. Mật độ trồng:			
- Cự ly hàng (m)			
- Cự ly cây (m)			
7. Tiêu chuẩn cây giống (chiều cao, đường kính cổ rễ, tuổi)			
8. Số lượng cây giống, hạt giống (kể cả trồng dặm)			
V. Chăm sóc, bảo vệ năm đầu			
1. Lần thứ nhất: (tháng ... đến tháng....)			
- Nội dung chăm sóc:			
+...			

⁵⁵ Áp dụng đối với các công trình lâm sinh, gồm: làm giàu rừng tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung.

2. Lần thứ 2, thứ 3...: Nội dung chăm sóc như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp			
3. Bảo vệ:			
-			

Biểu 8: Dự toán chi phí trực tiếp cho trồng rừng⁵⁶

1. Tiểu khu: 4. Diện tích (ha):
2. Khoảnh: 5. Chi phí (1.000 đ):
3. Lô:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ xác định định mức, đơn giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A	Tổng = B* Diện tích lô						
B	Dự toán/ha (I+II)						
I	Chi phí trồng rừng						
1	Chi phí nhân công						
	Xử lý thực bì						
	Đào hố						
	Lấp hố						
	Vận chuyển cây con thủ công						
	Vận chuyển và bón phân						
	Phát đường ranh cản lửa						
	Trồng dặm						
	...						
2	Chi phí máy thi công						
	Đào hố bằng máy						
	Vận chuyển cây con bằng cơ giới						
	Ủi đường ranh cản lửa						
	Chi phí trực tiếp khác						
3	Chi phí vật liệu						
	Cây giống (bao gồm cả trồng dặm)						

⁵⁶Áp dụng đối với các công trình lâm sinh có trồng cây.

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày tháng năm...

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định thiết kế, dự toán

Kính gửi: ... (Người có thẩm quyền phê duyệt) ...

Các căn cứ.....;

Sau khi thẩm định, (Tên cơ quan thẩm định) báo cáo kết quả thẩm định dự toán như sau:

1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu

- a) Tên công trình, chủ đầu tư;
- b) Dự án;
- c) Địa điểm xây dựng;
- d) Mục tiêu;
- đ) Nội dung và quy mô;
- e) Các giải pháp thiết kế chủ yếu;
- g) Dự toán;
- h) Tiến độ thực hiện.

2. Kết quả thẩm định thiết kế

- a) Đánh giá sự phù hợp với các nội dung đã được duyệt tại Quyết định đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp, với nhu cầu sử dụng đất...;
- b) Đánh giá tính xác thực về hiện trạng của đối tượng thiết kế;
- c) Đánh giá sự phù hợp của các giải pháp thiết kế;
- d) Đánh giá về chất lượng hồ sơ thiết kế, việc tuân thủ các quy chuẩn quốc gia và áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan;
- đ) Đánh giá năng lực của tổ chức, cá nhân lập thiết kế, dự toán công trình lâm sinh;
- e) Đánh giá mức độ ảnh hưởng của công trình đến các khu di tích lịch sử, văn hóa hoặc tín ngưỡng của cộng đồng dân cư trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- g) Năng lực của đơn vị thực hiện công trình: kinh nghiệm và nguồn nhân lực;
- h) Năng lực của tư vấn giám sát thi công (nếu có);
- i) Các vấn đề rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện làm ảnh hưởng đến kết quả đầu tư.

3. Kết quả thẩm định dự toán

- a) Đánh giá sự phù hợp của phương pháp xác định dự toán công trình với đặc điểm, tính chất, yêu cầu kỹ thuật, công nghệ của công trình;
- b) Kiểm tra sự đầy đủ của các khối lượng sử dụng để xác định dự toán công trình;

c) Đánh giá sự hợp lý, phù hợp về việc áp dụng định mức, đơn giá, chế độ chính sách theo quy định, hướng dẫn của Nhà nước để tính toán, xác định các chi phí trong dự toán công trình;

d) Xác định giá trị dự toán công trình lâm sinh sau khi thực hiện thẩm định; phân tích nguyên nhân tăng, giảm;

đ) Đánh giá khả năng huy động vốn đáp ứng tiến độ thực hiện công trình;

e) Kết quả thẩm định dự toán được tổng hợp như sau: Trong đó:

- Chi phí xây dựng
- Chi phí thiết bị
- Chi phí quản lý
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng
- Chi phí khác
- Chi phí dự phòng

Tổng cộng:

4. Kết luận:

a) Đánh giá, nhận xét:

b) Những kiến nghị:

Nơi nhận:

-;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHÊ
DUYỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-....

....., ngày tháng năm...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế, dự toán công trình
(TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHÊ DUYỆT)**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của;

Các căn cứ;

Xét đề nghị của ... tại Tờ trình số ... của (tên) ngày... tháng... năm... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của (Tên cơ quan thẩm định) tại Báo cáo kết quả thẩm định số ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế, dự toán với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình, chủ đầu tư

- Tên công trình

- Dự án (nếu công trình thuộc dự án đầu tư)

- Chủ đầu tư (nếu là dự án đầu tư)

2. Địa điểm

3. Mục tiêu

4. Nội dung và quy mô

5. Giải pháp thiết kế chủ yếu

6. Dự toán:

Trong đó:

a) Chi phí xây dựng

.....

b) Chi phí thiết bị

.....

c) Chi phí quản lý

.....

d) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng

.....

đ) Chi phí khác, gồm:

.....

e) Chi phí dự phòng

.....

7. Nguồn vốn đầu tư và tiến độ giải ngân

8. Thời gian thực hiện dự án

9. Các nội dung khác

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành Quyết định.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)